

TRẮC NGHIỆM SINH LÝ HỌC

1. Hoạt động cơ học của ống tiêu hóa được điều hòa bởi:
 - A. Thần kinh tự động và đám rối Meissner
 - B. Thần kinh tự động và đám rối Auerbach
 - C. Thần kinh tự động, đám rối Auerbach và bản thân thức ăn trong ống tiêu hóa
 - D. Thần kinh phó giao cảm và đám rối Auerbach
 - E. Thần kinh phó giao cảm và các đám rối thần kinh nội tại
2. Nước bọt gồm các thành phần sau đây, ngoại trừ:
 - A. Cl^-
 - B. Amylase
 - C. Chất nhầy
 - D. Glucose
 - E. Kháng thể
3. Trong bữa ăn, nước bọt được tăng cường bài tiết do dây phó giao cảm bị kích thích bởi:
 - A. Phản xạ có điều kiện và phản xạ ruột
 - B. Phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện
 - C. Phản xạ không điều kiện và phản xạ ruột
 - D. Phản xạ tủy
 - E. Phản xạ thần kinh
4. Nước bọt:
 - A. Amylase nước bọt phân giải tất cả tinh bột thành maltose
 - B. Chất nhầy làm tăng tác dụng của amylase nước bọt
 - C. Kháng thể nhóm máu ABO được bài tiết trong nước bọt
 - D. Nước bọt có tác dụng diệt khuẩn
 - E. Cả 4 câu trên đều đúng
5. Nuốt:
 - A. Là một động tác hoàn toàn tự động
 - B. Có tác dụng đẩy thức ăn từ thực quản đi vào dạ dày

- C. Là động tác cơ học hoàn toàn thuộc về thực quản
D. Động tác nuốt luôn luôn bị rối loạn ở bệnh nhân hôn mê
E. Cả 4 câu trên đều sai
6. Trung tâm nuốt nằm ở:
A. Thân não
B. Hành não
C. Hành não và cầu não
D. Gần trung tâm hít vào
E. Câu B và D đúng
7. Chất nào sau đây được hấp thu ở miệng:
A. Acid amin
B. Glucose
C. Acid béo
D. Vitamin
E. Cả 4 câu đều sai
8. Đến cuối bữa ăn, thức ăn trong dạ dày được sắp xếp như sau:
A. Thức ăn vào trước nằm ở hang vị, thức ăn vào sau nằm ở thân dạ dày
B. Thức ăn vào trước nằm ở thân dạ dày, thức ăn vào sau nằm ở hang vị
C. Thức ăn vào trước nằm ở giữa, thức ăn vào sau nằm ở xung quanh
D. Thức ăn vào trước nằm ở xung quanh, thức ăn vào sau nằm ở giữa
E. Thức ăn vào trước hay vào sau đều trộn lẫn với nhau
9. Hoạt động cơ học của dạ dày:
A. Nhu động làm mở tâm vị để tiếp nhận thức ăn đi vào dạ dày
B. Cơ thắt tâm vị mở ra khi có thức ăn ở trên tâm vị
C. Được chi phối bởi đám rối Meissner
D. Nhu động có tác dụng đẩy thức ăn từ dạ dày đi vào tá tràng
E. Cả 4 câu trên đều đúng
10. Nói về bài tiết acid HCl ở dạ dày, câu nào sau đây sai:
A. Có sử dụng CO_2
B. Do tế bào cổ tuyến bài tiết
C. Thông qua bơm proton
D. Được kích thích bởi acetylcholin

- E. Bị ức chế bởi các thuốc kháng thụ thể H_2
11. Enzym nào sau đây thủy phân được liên kết peptid của acid amin có nhân thơm:
 - A. Pepsin
 - B. Carboxypeptidase
 - C. Aminopeptidase
 - D. Trypsin
 - E. Câu A, B và C đều đúng
 12. Nếu dạ dày hoàn toàn không bài tiết acid HCl thì:
 - A. Chỉ có protid trong dạ dày không được thủy phân
 - B. Chỉ có protid trong dạ dày giảm thủy phân
 - C. Cả protid và lipid trong dạ dày đều giảm thủy phân
 - D. Cả protid và lipid trong dạ dày đều không được thủy phân
 - E. Không có phản ứng thủy phân xảy ra trong dạ dày
 13. Các enzym tiêu hóa của dịch vị là:
 - A. Lipase, lactase, sucrase
 - B. Pepsin, trypsin, lactase
 - C. Presur, pepsin, lipase
 - D. Sucrase, pepsin, lipase
 - E. Presur, lipase, chymotrypsin
 14. Bài tiết gastrin tăng lên bởi:
 - A. Acid trong lòng dạ dày tăng
 - B. Sự căng của thành dạ dày do thức ăn
 - C. Do tăng nồng độ secretin trong máu
 - D. Tăng nồng độ cholecystokinin trong máu
 - E. Cắt dây thần kinh X
 15. HCl và yếu tố nội được tiết ra từ:
 - A. Tế bào chính
 - B. Tế bào viền
 - C. Tế bào cổ tuyến
 - D. Toàn bộ niêm mạc dạ dày
 - E. Tuyến môn vị và tâm vị
 16. Dịch vị có thể tiêu hoá được:

- A. Protid và glucid
 - B. Glucid và lipid
 - C. Lipid và protid
 - D. Protid, lipid và một phần glucid nằm ở giữa trung tâm dạ dày
 - E. Protid, tinh bột chín và triglycerid đã được nhũ tương hoá sẵn
17. Chất nào sau đây được thủy phân ở dạ dày:
- A. Protid và lipid
 - B. Lipid và glucid
 - C. Glucid và protid
 - D. Protid và triglycerid đã được nhũ tương hóa sẵn
 - E. Protid, glucid và lipid
18. Hoạt động cơ học của dạ dày:
- A. Kích thích dây X làm giảm hoạt động cơ học
 - B. Được chi phối bởi đám rối Auerbach
 - C. Được chi phối bởi đám rối Meissner
 - D. Kích thích thần kinh giao cảm làm tăng hoạt động cơ học của dạ dày
 - E. Atropin làm tăng hoạt động cơ học của dạ dày
19. Tác dụng của các thành phần trong dịch vị:
- A. Pepsin thủy phân protein thành acid amin
 - B. Men sữa thủy phân các thành phần của sữa
 - C. HCl có tác dụng hoạt hóa pepsin
 - D. Chất nhầy có tác dụng bảo vệ niêm mạc dạ dày
 - E. Cả 4 câu trên đều đúng
20. Caseinogen chuyển thành casein nhờ:
- A. Chymosin
 - B. Pepsin
 - C. Lipase
 - D. Maltase
 - E. Lactase
21. Hàng rào bảo vệ niêm mạc dạ dày được cấu tạo bởi:
- A. Chất nhầy và tế bào niêm mạc dạ dày
 - B. HCO_3^- và chất nhầy

- C. Chất nhầy và yếu tố nội
 - D. HCO_3^- và prostaglandin E_2
 - E. Chất nhầy và prostaglandin E_2
22. Trong điều trị loét dạ dày tá tràng, cimetidine được sử dụng để:
- A. Tăng tiết chất nhầy
 - B. Giảm tiết acid HCl
 - C. Tăng tiết prostaglandin E_2
 - D. Ức chế thụ thể H_2 của tế bào viền
 - E. Câu B và D đều đúng
23. Hormon glucocorticoid của vỏ thượng thận có tác dụng:
- A. Kích thích bài tiết HCl
 - B. Kích thích bài tiết pepsin
 - C. Ức chế bài tiết nhầy, tăng tiết HCl và pepsin
 - D. Ức chế bài tiết nhầy
 - E. Ức chế bài tiết prostaglandin E_2
24. Prostaglandin E_2 là hormon của tế bào niêm mạc dạ dày có tác dụng:
- A. Bảo vệ niêm mạc dạ dày
 - B. Ức chế bài tiết pepsin và tăng tiết nhầy
 - C. Tăng bài tiết nhầy, ức chế bài tiết acid HCl và pepsin
 - D. Giảm tiết nhầy và tăng tiết acid HCl
 - E. Câu A và C đều đúng
25. Yếu tố nào sau đây không tham gia điều hòa bài tiết dịch vị bằng đường thể dịch:
- A. Gastrin
 - B. Glucocorticoid
 - C. Dây X
 - D. Histamin
 - E. Prostaglandin E_2
26. Những yếu tố sau đây đều có cùng một tác dụng lên cơ chế bài tiết dịch vị, ngoại trừ:
- A. Gastrin
 - B. Glucocorticoid
 - C. Gastrin - like

- D. Histamin
 - E. Prostaglandin E₂
27. Chất nào sau đây được hấp thu chủ yếu ở dạ dày:
- A. Acid amin
 - B. Glucose
 - C. Sắt
 - D. Nước
 - E. Rượu
28. Dịch tiêu hóa nào sau đây có pH kiềm nhất:
- A. Nước bọt
 - B. Dịch tụy
 - C. Dịch vị
 - D. Dịch mật
 - E. Dịch ruột non
29. Dịch tiêu hóa nào sau đây có pH hơi ngả về acid:
- A. Nước bọt
 - B. Dịch tụy
 - C. Dịch vị
 - D. Dịch mật
 - E. Dịch ruột non
30. Dịch tiêu hóa nào sau đây có hệ enzym tiêu hóa protid phong phú nhất:
- A. Nước bọt
 - B. Dịch tụy
 - C. Dịch vị
 - D. Dịch mật
 - E. Dịch ruột non
31. Dịch tiêu hóa nào sau đây có hệ enzym tiêu hóa glucid phong phú nhất:
- A. Nước bọt
 - B. Dịch tụy
 - C. Dịch vị
 - D. Dịch mật
 - E. Dịch ruột non

32. Enzym tiêu hóa protid của dịch tụy là:
- A. Trypsin, pepsin, procarboxypeptidase
 - B. Chymotrypsin, carboxypeptidase, trypsin
 - C. Carboxypeptidase, pepsin, lactase
 - D. Pepsin, chymosin, trypsin
 - E. Chymotrypsin, procarboxypeptidase, pepsin
33. Chymotrypsinogen chuyển thành chymotrypsin là nhờ:
- A. Enteropeptidase
 - B. Carboxypeptidase
 - C. Trypsin
 - D. Pepsin
 - E. Carboxypeptidase
34. Procarboxypeptidase chuyển thành carboxypeptidase là nhờ:
- A. Enteropeptidase
 - B. Trypsinogen
 - C. Pepsin
 - D. Chymotrypsin
 - E. Cả 4 câu trên đều sai
35. Trypsinogen chuyển thành trypsin là nhờ:
- A. Enteropeptidase
 - B. Trypsinogen
 - C. Pepsin
 - D. Chymotrypsin
 - E. Cả 2 câu A và B đều đúng
36. Bình thường, dịch tụy không tiêu hóa được tuyến tụy vì:
- A. Tụy không bài tiết enteropetidase
 - B. Trypsinogen không được hoạt hóa ở trong tụy
 - C. pH dịch tụy kiềm
 - D. Tụy không bài tiết enzym tiêu hóa protid
 - E. Cả 4 câu trên đều sai
37. Enzym nào sau đây không được bài tiết bởi tuyến tụy ngoại tiết:
- A. Chymotrypsinogen

- B. Amylase
 - C. Aminopeptidase
 - D. Lipase
 - E. Maltase
38. Enzym nào sau đây có thể thủy phân polypeptid thành các acid amin riêng lẻ:
- A. Chymotrypsin
 - B. Pepsin
 - C. Carboxypeptidase
 - D. Trypsin
 - E. Cả 4 câu đều đúng
39. Sau khi cắt tụy ngoại tiết hoàn toàn:
- A. Tiêu hóa glucid xảy ra bình thường
 - B. Tiêu hóa lipid xảy ra bình thường
 - C. Tiêu hóa protid xảy ra bình thường
 - D. Hấp thu các vitamin tan trong dầu giảm
 - E. Tăng hấp thu nước ở ruột
40. Chất nào sau đây tham gia điều hòa bài tiết enzym tụy:
- A. Acetylcholin
 - B. Gastrin
 - C. Prostaglandin E₂
 - D. Histamin
 - E. Cả 4 câu trên đều sai
41. Yếu tố nào sau đây kích thích bài tiết dịch tụy kiềm loãng:
- A. Secretin
 - B. Gastrin
 - C. Pancreozymin
 - D. Cholecystokinin
 - E. Histamin
42. Yếu tố nào sau đây kích thích bài tiết dịch tụy giàu nhiều enzym:
- A. Secretin
 - B. Gastrin
 - C. Pancreozymin

- D. Hepatocrinin
 - E. Histamin
43. Tác dụng của muối mật:
- A. Nhũ tương hoá lipid để làm tăng tác dụng của lipase dịch vị
 - B. Giúp hấp thu glycerol
 - C. Giúp hấp thu các vitamin nhóm B
 - D. Giúp hấp thu triglycerid
 - E. Cả 4 câu trên đều sai
44. Thành phần ở trong dịch mật có tác dụng tiêu hóa là:
- A. Sắc tố mật
 - B. Muối mật
 - C. Acid mật
 - D. Cholesterol
 - E. Acid taurocholic
45. Chất nào sau đây tham gia điều hòa bài tiết mật:
- A. Acetylcholin
 - B. Gastrin
 - C. Prostaglandin E₂
 - D. Histamin
 - E. Cả 4 câu trên đều sai
46. Quá trình bài xuất mật được điều hòa bởi:
- A. Secretin
 - B. Gastrin
 - C. Pancreozymin
 - D. Thần kinh giao cảm
 - E. Histamin
47. Quá trình bài tiết mật được điều hòa bởi:
- A. Secretin
 - B. Gastrin
 - C. Pancreozymin
 - D. Cholecystokinin
 - E. Histamin

48. Tắc ống mật chủ hoàn toàn:
- A. Tiêu hóa lipid giảm
 - B. Hấp thu lipid giảm
 - C. Hấp thu các vitamin A, D, E và K giảm
 - D. Câu A và B đúng
 - E. Cả 3 câu A, B và C đều đúng
49. Hấp thu acid béo có chuỗi carbon < 10 từ ruột vào máu theo hướng:
- A. Vào tế bào niêm mạc ruột \rightarrow tĩnh mạch cửa \rightarrow ống bạch huyết \rightarrow tĩnh mạch
 - B. Vào tế bào niêm mạc ruột \rightarrow tĩnh mạch cửa \rightarrow tĩnh mạch chủ
 - C. Vào khoảng kẽ giữa các tế bào niêm mạc ruột \rightarrow ống bạch huyết \rightarrow tĩnh mạch cửa
 - D. Vào khoảng kẽ \rightarrow chylomicron \rightarrow ống bạch huyết \rightarrow tĩnh mạch cửa
 - E. Vào tế bào niêm mạc ruột \rightarrow triglycerid \rightarrow chylomicron \rightarrow mạch bạch huyết \rightarrow máu tĩnh mạch
50. Phần ống tiêu hóa hấp thu nhiều nước nhất:
- A. Thực quản
 - B. Dạ dày
 - C. Tá tràng
 - D. Ruột non
 - E. Ruột già
51. Hấp thu nước ở ruột non theo cơ chế:
- A. Vận chuyển tích cực
 - B. Vận chuyển tích cực thứ cấp
 - C. Khuếch tán dễ dàng
 - D. Kéo theo chất hòa tan
 - E. Thẩm bào
52. Quá trình hấp thu ở ruột non xảy ra rất mạnh vì những lý do sau đây, ngoại trừ:
- A. Dịch tiêu hóa ở ruột non rất phong phú
 - B. Ruột non dài, diện tiếp xúc rất lớn
 - C. Niêm mạc ruột non có nhiều nhung mao và vi nhung mao
 - D. Tế bào niêm mạc ruột non cho các chất khuếch tán qua rất dễ dàng
 - E. Tất cả thức ăn ở ruột non đều được phân giải thành dạng có thể hấp

thu được

53. Hấp thu fructose ở ruột theo cơ chế:
- A. Vận chuyển tích cực
 - B. Vận chuyển tích cực thứ cấp
 - C. Khuếch tán dễ dàng
 - D. Kéo theo chất hòa tan
 - E. Ẩm bào
54. Chất nào sau đây làm tăng hấp thu glucose:
- A. Nước muối đẳng trương
 - B. Fructose
 - C. Pentose
 - D. Thuốc ức chế $\text{Na}^+ - \text{K}^+$ ATPase
 - E. Acid amin
55. Hấp thu protein ở ruột non theo cơ chế:
- A. Vận chuyển tích cực
 - B. Vận chuyển tích cực thứ cấp
 - C. Khuếch tán thụ động
 - D. Ẩm bào
 - E. Cả 4 câu trên đều đúng
56. Hấp thu vitamin ở ruột non theo cơ chế:
- A. Vận chuyển tích cực
 - B. Vận chuyển tích cực thứ cấp
 - C. Khuếch tán dễ dàng
 - D. Kéo theo chất hòa tan
 - E. Khuếch tán thụ động
57. Hấp thu các ion ở ruột non:
- A. Cl^- được hấp thu tích cực ở hồi tràng
 - B. Ca^{2+} được hấp thu nhờ sự hỗ trợ của Na^+
 - C. Fe^{3+} được hấp thu tích cực ở tá tràng
 - D. Acid HCl làm tăng hấp thu sắt
 - E. Cả 4 câu trên đều đúng
58. Hấp thu acid amin ở ruột non theo cơ chế:
- A. Vận chuyển tích cực

- B. Ẩm bào
 - C. Khuếch tán dễ dàng
 - D. Kéo theo chất hòa tan
 - E. Khuếch tán thụ động
59. Hấp thu Na^+ ở ruột non:
- A. Theo cơ chế khuếch tán có protein mang ở bờ bàn chải
 - B. Kéo theo một số chất khác đặc biệt là glucose
 - C. Tăng lên khi được hấp thu cùng glucose
 - D. Câu A và B đúng
 - E. Cả 3 câu trên đều đúng
60. Khi thiếu vitamin D hoặc suy tuyến cận giáp:
- A. Hấp thu lipid tăng
 - B. Hấp thu Ca^{2+} tăng
 - C. Hấp thu Ca^{2+} giảm
 - D. Hấp thu glucid giảm
 - E. Hấp thu protid tăng
61. Hấp thu nước ở ống tiêu hoá:
- A. Lượng nước được hấp thu chủ yếu từ nguồn ăn uống
 - B. Hấp thu tăng lên nhờ muối mật
 - C. Glucose làm tăng hấp thu nước ở ruột non
 - D. Hấp thu các vitamin kéo theo nước
 - E. Cả 4 câu trên đều đúng
62. Dịch tiêu hóa nào sau đây có khả năng thủy phân tất cả tinh bột trong thức ăn:
- A. Nước bọt
 - B. Dịch vị
 - C. Dịch tụy
 - D. Dịch ruột non
 - E. Câu C và D đúng
63. Chất nào sau đây được hấp thu ở dạ dày:
- A. Acid amin
 - B. Glucose
 - C. Acid béo

- D. Vitamin
 - E. Cả 4 câu đều sai
64. Enzym nào sau đây thuỷ phân được liên kết peptid của acid amin kiềm:
- A. Pepsin
 - B. Chymotrypsin
 - C. Trypsin
 - D. Cả 3 câu trên đều đúng
 - E. Cả 3 câu trên đều sai
65. Pepsinogen chuyển thành pepsin nhờ:
- A. Trypsin
 - B. Acid HCl
 - C. Lipase
 - D. Pepton
 - E. Proteose
66. Gastrin của dạ dày có tác dụng:
- A. Tăng bài tiết HCl
 - B. Tăng bài tiết pepsinogen
 - C. Ức chế bài tiết nhầy, tăng tiết HCl và pepsin
 - D. Ức chế bài tiết nhầy
 - E. Câu A và B đúng
67. Yếu tố nào sau đây trong dịch vị có vai trò tiêu hóa protid:
- A. Lipase
 - B. Pepsin
 - C. Presur
 - D. Acid HCl
 - E. Câu B và D đúng
68. Enzym tiêu hóa protid của dịch ruột là:
- A. Trypsin, pepsin, procarboxypeptidase
 - B. Chymotrypsin, carboxypeptidase, trypsin
 - C. Aminopeptidase, dipeptidase, tripeptidase
 - D. Pepsin, chymosin, trypsin
 - E. Chymotrypsin, procarboxypeptidase, pepsin
69. Hấp thu sắt ở ruột non theo cơ chế:

- A. Vận chuyển tích cực
 - B. Vận chuyển tích cực thứ cấp
 - C. Khuếch tán thụ động
 - D. Ẩm bào
 - E. Cả 4 câu trên đều đúng
70. Hấp thu Cl^- ở ruột non theo cơ chế:
- A. Vận chuyển tích cực
 - B. Vận chuyển tích cực thứ cấp
 - C. Thụ động theo Na^+
 - D. Ẩm bào
 - E. Cả 4 câu trên đều đúng
71. Kể các chức năng của bộ máy tiêu hóa ?
72. Kể 3 hoạt động chức năng của bộ máy tiêu hóa ?
73. Hãy kể tên các loại tuyến tiêu hóa ?
74. Nêu các chức năng tiêu hóa của miệng và thực quản ?
75. Hãy nói về cơ chế của động tác nhai ?
76. Kể các thành phần trong nước bọt ?
77. Nêu 2 chức năng tiêu hóa chính của dạ dày ? Dạ dày có thể hấp thu được những chất nào ?
78. Vì sao khi viêm dạ dày bệnh nhân thường chán ăn ?
79. Giải thích cơ chế gây ra triệu chứng ợ hơi, ợ chua ở một số bệnh nhân loét dạ dày ?
80. Nêu tác dụng của nhu động dạ dày ?
81. Thế nào là hội chứng tràn ngập (dumping syndrome) ?
82. Nêu 2 tác dụng của HCO_3^- ở trong dịch vị ?
83. Nêu tác dụng của chymosin trong dịch vị ?
84. Kể tên 2 sản phẩm tiêu hóa protid ở dạ dày, chúng có chức năng gì trong điều hòa bài tiết dịch vị ?
85. Ngoài tác dụng tăng hoạt tính của pepsin, acid HCl còn có những tác dụng nào khác ?
86. Hãy nói về yếu tố nội của dạ dày ?
87. Cơ chế bài tiết acid HCl của tế bào viền ?
88. Nêu vai trò của thần kinh nội tại trong điều hòa bài tiết dịch vị ?
89. Hãy nói về vai trò của gastrin-like trong điều hòa bài tiết dịch vị ?

90. Kể tên các hình thức hoạt động cơ học của ruột non ?
91. Nêu tác dụng của HCO_3^- trong dịch tụy ?
92. Nêu các tác dụng tiêu hóa của muối mật ?
93. Cơ chế tạo thành sỏi cholesterol đường mật ?
94. Trong hấp thu protid, ruột non trẻ em có khả năng đặc biệt nào ?
95. Nêu cơ chế hấp thu Na^+ ở ruột non ?
96. Lipase dịch tụy hoạt động mạnh hơn lipase dịch vị là nhờ có sự hỗ trợ của muối mật. Đ/S
97. Để giảm tiết acid HCl của dạ dày, tốt nhất là sử dụng thuốc ức chế bơm proton. Đ/S
98. Yếu tố nội là một chất tải giúp hấp thu vitamin B_{12} . Đ/S
99. Acid HCl làm tăng tác dụng tiêu hóa protid của trypsin. Đ/S
100. Đám rối Auerbach nằm dưới niêm mạc dạ dày có tác dụng kích thích bài tiết dịch vị. Đ/s
101. Khi thức ăn trong dạ dày quá nhiều sẽ làm tăng bài tiết dịch vị. Đ/S
102. Prostaglandin E_2 là một yếu tố có lợi đối với dạ dày. Đ/S
103. Hội chứng Zollinger - Ellison là do stress tâm lý gây ra. Đ/S
104. Rượu được hấp thu ở dạ dày theo phương thức tích cực. Đ/S
105. Trypsin có thể hoạt hóa ngay chính tiền enzym của nó là trypsinogen và đó là cơ chế chính gây ra viêm tụy cấp. Đ/S
106. Trong chu trình ruột gan, khoảng 75% muối mật được tái hấp thu trở lại ở hồi tràng. Đ/S
107. Khi hàm lượng muối mật trong dịch mật tăng lên, sỏi cholesterol đường mật dễ hình thành. Đ/S
108. Các enzym của dịch ruột không phải do tế bào tuyến ruột bài tiết mà do các tế bào niêm mạc ruột bài tiết. Đ/S
109. Khi có mặt của Na^+ và glucose, hấp thu nước của ruột non tăng lên rất mạnh theo cơ chế tích cực. Đ/S
110. Bộ máy tiêu hóa có chức năng nội tiết. Đ/S
111. Thành dạ dày có cấu tạo gồm 9 lớp. Đ/S
112. Nhai là một động tác hoàn toàn chủ động. Đ/S
113. Nuốt là động tác hoàn toàn tự động. Đ/S
114. Amylase nước bọt có thể phân giải tinh bột chín thành glucose. Đ/S
115. Nước bọt được tăng bài tiết khi ăn là do phản xạ không điều kiện. Đ/S

- 116. Không có chất nào được hấp thu ở miệng. Đ/S
- 117. Dạ dày rất đàn hồi vì thành của nó có 3 lớp cơ. Đ/S
- 118. Dạ dày có thể phân giải tinh bột chín . Đ/S
- 119. Nhu động của dạ dày sẽ tăng lên khi môi trường trong dạ dày quá acid.
Đ/S
- 120. Tuyến vùng môn vị là tuyến tiêu hóa chính của dạ dày. Đ/S

No Thing